

Bản án số:05/2024/DS-ST

Ngày: 15/8/2024

V/v tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc D

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Duy N

2. Ông Hoàng Trọng L

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà G - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên S - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:33/2024/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Ngọc U - sinh năm 1949

Nơi ĐKKHKT: Bản K, xã BL, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu

Chỗ ở hiện nay: Khu suối 1, xã Hương Lung, huyện CK, Phú Thọ

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ng- sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn M, thị trấn YL, huyện YL, tỉnh Phú Thọ

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1975, địa chỉ: Khu s1, xã HL, huyện CK, tỉnh Phú Thọ

(Ông U, bà Ngọc, bà H đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 12/4/2024, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Ngày 14/3/2017 bà Ng có viết Giấy nhận nợ của ông số tiền nợ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 1%/tháng, từ khi bà Ng vay chỉ trả cho ông 02 tháng tiền lãi sau đó không trả lãi nữa và cũng chưa trả được đồng nào tiền gốc, vì theo thỏa thuận miệng nêu

bị đơn không trả tiền lãi đầy đủ thì nguyên đơn có quyền đòi nợ gốc, nên ông đã đòi bà Ng trả nợ gốc nhiều lần, nhưng bà Ng không trả. Vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Ng phải trả cho ông số tiền gốc 50.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án ông U xác định bà Ng đã trả số tiền gốc là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) thời gian ông không nhớ, nay ông yêu cầu bà Ng phải trả cho ông số tiền gốc còn lại là 46.000.000đồng, ông không yêu cầu lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2024 bị đơn trình bày: Việc bà viết Giấy vay nợ cho ông U ngày 14/3/2017 số tiền nợ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thực chất số nợ này là em gái bà là Nguyễn Thị H vay nợ ông U, nhưng do lãi suất cao, nên bảo bà viết giấy vay nợ với ông U để chuyển sang lãi tháng, đến nay bà H đã trả cho ông U số tiền 4.000.000đồng tiền gốc, vậy chỉ còn nợ 46.000.000đồng tiền gốc, nhưng hiện nay bà khó khăn, nên bà đề bà H trả nợ dần cho ông U, còn bà không được vay nên không trả.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H trình bày: Số tiền 50.000.000đồng trong Giấy nhận nợ ngày 14/3/2017 do bà Nglà chị gái bà viết nhận nợ của ông U, đây là số tiền bà sẽ nhận trả nợ cho ông U, bà cũng đã trả cho ông U số tiền 4.000.000đồng tiền gốc, nay chỉ còn nợ ông U số tiền 46.000.000đồng tiền gốc, nhưng do hiện nay bà khó khăn bà xin trả dần. Bà đã viết giấy vay nợ của bà Ng số tiền 50.000.000đồng vì bà Ng đã nhận trả ông U thay bà 50.000.000đồng. Nay bà yêu cầu bà Ng hủy biên nhận vay nợ bà đã viết cho bà Ngọc.

Sau khi bà Ng và bà H có quan điểm Tòa án đã công khai cho ông U, quan điểm của ông U là bà Ng đã viết Giấy vay nợ ông, nên ông yêu cầu bà Ng phải trả cho ông số tiền gốc là 46.000.000đồng, ông không nhất trí việc bà H nhận trả nợ thay bà Ng cho ông.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yl phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Bà Nguyễn Thị Ng phải trả cho Ông Phạm Ngọc U số tiền 46.000.000đồng; Về án phí: Bà Ng phải chịu 2.300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả số tiền đã vay. Đây là tranh chấp liên quan đến Hợp đồng vay tài sản.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đối tượng tranh chấp là Hợp đồng, cụ thể là Hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại thị trấn Y1, huyện Y1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y1, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện :

Việc vay nợ ngày 14/3/2017, bên cho vay là ông U cho bên vay là bà Ng ngay khoản tiền 50.000.000đồng, với lãi suất thoả thuận miệng với nhau là 1%/ tháng, bên vay đã trả cho bên cho vay 4.000.000đồng, sau đó ông U nhiều lần đòi bà Ng nhưng bà Ng không trả tiền; trong giấy vay nợ không xác định thời hạn vay. Nay ông U yêu cầu bà Ng trả số tiền gốc còn lại là 46.000.000 và không yêu cầu lãi suất. Do vậy đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc của ông U ,đây là yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu theo Khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét tính Hợp pháp của Giấy nhận nợ ghi ngày 14/3/2017 của Bà Nguyễn Thị Ng nội dung vay của Ông Phạm Ngọc U số tiền 50.000.000đồng, đã trả số tiền 4.000.000đồng, còn nợ số tiền gốc 46.000.000đồng, bà Ng thừa nhận bà là người viết giấy nhận nợ nêu trên, hai bên không có ý kiến gì về tính hợp pháp của giấy nhận nợ, đều thống nhất số tiền nợ là 46.000.000đồng, nên yêu cầu của ông U là hợp pháp cần buộc bà Ng phải trả cho ông U số tiền này.

Theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, thì ông U và bà Ng là chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập; ông U và bà Ng tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Như vậy, giấy nhận nợ nêu trên giữa bà Ng và ông U là hợp pháp, có hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện. Do vậy yêu cầu khởi kiện của ông U được chấp nhận, buộc bà Ng phải trả cho ông U số tiền 46.000.000đồng và việc ông U không yêu cầu lãi suất là tự nguyện; nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông U .

Đối với việc bà H trình bày xin tự nguyện trả số tiền ông U yêu cầu đối với bà Ngọc, nhưng ông U không chấp nhận vì ông xác định bà N là người vay và viết giấy nhận nợ nên ông chỉ yêu cầu bà Ng trả, không chấp nhận việc bà H nhận trả nợ là quyền của ông U và phù hợp với quy định của pháp luật.

Còn đối với việc bà H cho rằng bà Ngnhận nợ ông U thay bà, bà đã viết giấy nợ bà Ngọc, đến nay bà xin trả cho ông U , còn bà Ngtrả lại giấy vay nợ cho bà, việc yêu cầu của 2 người không được người khởi kiện chấp nhận. Còn việc bà H viết giấy vay nợ bà Ng, nếu có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều:

Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1,3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc U

Buộc Bà Nguyễn Thị Ng phải trả cho Ông Phạm Ngọc U số tiền 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND huyện YL;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS H.Y1;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

Lương Ngọc D